

NGHỊ QUYẾT

**về lãnh đạo phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định “tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, trọng tâm là phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi đồng bộ, thông suốt giữa các vùng trong tỉnh và các tỉnh trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long; trong đó, ưu tiên xây dựng hoàn thành các tuyến đường chính theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây của tỉnh, khai thác tối đa hiệu quả đầu tư công trình giao thông ven biển, ven sông Tiền” là một trong 3 khâu đột phá của tỉnh; qua triển khai thực hiện, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã và đang được các ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ để triển khai đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm như: cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, cầu Mỹ Thuận 2, cầu Rạch Miễu 2, nâng cấp mở rộng kênh Chợ Gạo, Quốc lộ 50, cầu Mỹ Lợi, Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền) và phát triển hệ thống đường giao thông đô thị, đường giao thông nông thôn nhằm từng bước góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông và xây dựng nông thôn mới. Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực vận tải tăng qua các năm, cụ thể: khối lượng vận chuyển hàng hoá tăng bình quân 7,4%/năm; luân chuyển hàng hóa tăng bình quân 5,9%/năm; khối lượng vận chuyển hành khách tăng bình quân 5,7%/năm; luân chuyển hành khách tăng bình quân 6,2%/năm.

Tuy nhiên, công tác phát triển giao thông vận tải thời gian qua vẫn còn một số khó khăn như: hầu hết đường tỉnh, đường huyện có mặt đường chỉ rộng từ 5,5m đến 7m, được lát nhựa đã lâu, trung bình khoảng từ 5-10 năm, cùng với một số cầu, cống trên tuyến chưa đồng bộ về quy mô, tải trọng với đường đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng khai thác, kết nối liên vùng, phát triển du lịch và thu hút đầu tư; hệ thống giao thông đô thị chưa phát triển tương xứng với quy mô và loại đô thị, nhất là các tuyến đường trục chính. Nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông còn hạn chế; ngân sách nhà nước để thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, trung tu, đại tu hệ thống cầu đường chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn dẫn đến tình trạng công trình bị giảm tuổi thọ, nhanh xuống cấp. Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ, phát triển ngành giao thông vận tải. Hệ thống vận tải công cộng tuy có phát triển nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân; chưa hình thành các trung tâm logistics.

Để tiếp tục lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác phát triển giao thông vận tải trong thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết lãnh đạo phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển giao thông vận tải của tỉnh trên cơ sở phù hợp với định hướng quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng trưởng xanh để phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế biển và phục vụ đời sống Nhân dân.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông là sự nghiệp chung, vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, mọi người dân đều có trách nhiệm tham gia đóng góp, trước hết là trong thực hiện chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư; bảo đảm lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

- Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Ưu tiên đầu tư những dự án quan trọng tạo sự đột phá và có tác động lan tỏa lớn, tạo động lực tăng trưởng, phát triển kinh tế từng vùng trong tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển toàn diện hệ thống giao thông vận tải cả về số lượng, quy mô đầu tư công trình; xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại trở thành động lực quan trọng để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao năng lực vận tải, chất lượng dịch vụ vận tải, từng bước chuyển đổi phương tiện theo hướng sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường. Đầu tư hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ với một số công trình có quy mô lớn, có sức lan tỏa, tạo không gian, động lực phát triển cho nhiều lĩnh vực, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững; xây dựng mới các tuyến đường trục chính phải dành đủ quỹ đất để phát triển các khu đô thị mới, vùng sản xuất tập trung.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành liên quan triển khai các dự án trọng điểm, có tính chất liên kết vùng như: tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn qua địa bàn tỉnh; đưa vào khai thác các tuyến cao tốc, quốc lộ và tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận tỉnh; nâng cấp các tuyến đường tỉnh đang quản lý thành quốc lộ thêm khoảng 70 km.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường tỉnh với kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng để nâng cao năng lực vận tải. Sớm đưa vào khai thác đường dọc sông Tiền (ĐT.864). Chú trọng phát triển các tuyến đường vành đai, trục hướng tâm, hệ thống đường giao thông đô thị phù hợp với quy hoạch

phát triển không gian, kiến trúc đô thị, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông với mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh.

- Nâng cấp và xây dựng mới một số cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách ở khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền đến Vàm Kỳ Hôn, khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp đến cửa biển và sông Vàm Cỏ.

- Cơ bản hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, nông thôn; tăng cường công tác bảo trì; kịp thời xóa các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.

- Phát triển phương tiện vận tải chất lượng cao, từng bước chuyển đổi phương tiện theo hướng xanh, sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.

- Phấn đấu mỗi năm có ít nhất một công trình giao thông được triển khai thực hiện thông qua hình thức mời gọi nhà đầu tư, hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

Phấn đấu đến năm 2030:

- Xây dựng mới ít nhất 55 km đường tỉnh và mở rộng đạt quy mô theo quy hoạch ít nhất 60 km đường tỉnh; xây dựng mới mặt đường bê tông nhựa nóng đạt 50% chiều dài hệ thống đường tỉnh để nâng cao chất lượng khai thác; xây mới hoặc nâng cấp 100% số cầu, đảm bảo đồng bộ quy mô, tải trọng với đường trên hệ thống đường tỉnh.

- Khởi công xây dựng cảng biển tổng hợp trên sông Soài Rạp. Hình thành ít nhất một trung tâm logistics cấp tỉnh.

- Khối lượng vận tải hàng hóa vận chuyển tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11,16%/năm; khối lượng vận tải hành khách tăng bình quân giai đoạn đạt 7,58%/năm.

Phấn đấu đến năm 2050:

- Hình thành đầy đủ bốn trung tâm logistics theo quy hoạch.

- 100% hệ thống đường tỉnh có mặt đường bê tông nhựa nóng.

- Xây dựng mới hoặc nâng cấp 100% số cầu đảm bảo đồng bộ quy mô, tải trọng trên hệ thống đường bộ địa phương.

- Đưa vào khai thác tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng đoạn qua tỉnh Tiền Giang.

- Có thêm cảng biển tổng hợp trên sông Tiền.

- Khối lượng vận tải hàng hóa vận chuyển tăng bình quân giai đoạn 2031 - 2050 đạt 5,81%/năm; khối lượng vận tải hành khách tăng bình quân giai đoạn đạt 4,85%/năm.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội đối với công tác phát triển giao thông vận tải

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân nhận thức sâu sắc, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển giao thông vận tải đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện phát triển giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương; xem nhiệm vụ hỗ trợ và phát triển phát triển giao thông vận tải là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả thiết thực.

- Tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, thường xuyên rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính liên quan đến các cơ quan, nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân; kịp thời tháo gỡ khó khăn, góp phần đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án ngành giao thông vận tải.

2. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông

2.1. Lĩnh vực đường bộ

Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh liên quan để triển khai tốt các dự án trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để đến năm 2030 đưa vào khai thác đoạn cao tốc Cao Lãnh - An Hữu; hoàn thành dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Tiền Giang; khởi công dự án mở rộng tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận; khởi công Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang (QL.50B); nâng cấp quản lý ba tuyến đường địa phương thành quốc lộ (QL.30B, QL.30C, QL.62). Ưu tiên mọi nguồn lực để xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, xây dựng các tuyến đường trục chính, đường vành đai để phát triển giao thông đô thị, các công trình có quy mô đầu tư lớn, tính chất kết nối liên vùng, kết nối trung tâm kinh tế, trong đó tập trung xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác các công trình trọng điểm như: Đường dọc sông Tiền (ĐT.864); Đường vào Đồng Tháp Mười; Đường tỉnh 877C song hành với Quốc lộ 50; xây dựng cầu Đồng Sơn kết nối tỉnh Long An; nâng cấp bến phà Bình Ninh qua huyện Tân Phú Đông.

2.2. Lĩnh vực đường thủy

Khai thác tối đa lợi thế giao thông đường thủy nội địa để xây dựng và phát triển hệ thống cảng chuyên dùng, cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách ở khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền đến Vàm Kỳ Hôn, khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp đến cửa biển và sông Vàm Cỏ; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, lấy đường thủy là trọng tâm. Xây dựng cảng biển tổng hợp trên sông Soài Rạp.

2.3. Lĩnh vực đường sắt

Chủ động, sẵn sàng phối hợp với các bộ, ngành Trung ương sớm đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn qua tỉnh Tiền Giang; đồng thời, khai thác tối đa tiềm năng của quỹ đất xây dựng ga trên tuyến để phát triển đô thị, lấy giao thông công cộng làm trung tâm theo hướng mô hình TOD.

2.4. Quản lý, sử dụng công trình

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý chuyên ngành. Bố trí đủ nguồn vốn ngân sách cho công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao và duy trì chất lượng khai thác; kịp thời xóa các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.

3. Phát triển vận tải, cơ khí vận tải

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý vận tải. Phối hợp tốt với Thành phố Hồ Chí Minh sớm đưa vào khai thác bến phà Cần Giờ - Vàm Láng. Nghiên cứu kết hợp ngành du lịch khai thác tuyến vận tải hành khách trên sông Tiền, sông Bảo Định phục vụ nhu cầu tham quan của người dân và du khách.

- Tăng cường các hoạt động quản lý phương tiện vận tải hành khách công cộng để lập lại trật tự vận tải như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và khai thác vận tải, đầu tư nâng cấp các bến xe khách và đẩy mạnh hoạt động mời gọi đầu tư khai thác các tuyến xe buýt, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, xe taxi.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong lĩnh vực vận tải để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi cơ sở hạ tầng tại bến, cảng, nhà ga và phương tiện theo hướng xanh, sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường. Phấn đấu để đến năm 2050, 100% phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh và toàn bộ các phương tiện bến xe, trạm dừng nghỉ đạt tiêu chí xanh theo lộ trình của Chính phủ về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí cac-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực cơ khí phục vụ ngành đóng và sửa chữa tàu thuyền trên sông Soài Rạp và sông Tiền. Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu đóng mới các loại tàu biển, tàu sông pha biển, phương tiện thủy nội địa có trọng tải lớn hơn; đặc biệt, khuyến khích đầu tư công nghệ lắp ráp và chế tạo các loại tàu chất lượng cao như du thuyền và tàu cao tốc để phát triển lợi thế du lịch sông nước.

4. Ban hành các cơ chế, chính sách

- Bên cạnh việc ưu tiên nguồn lực từ ngân sách Nhà nước bố trí đủ, kịp thời thực

hiện dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, các cấp chính quyền huy động mọi nguồn lực xã hội nhằm phát triển giao thông vận tải của tỉnh đạt được mục tiêu đã đề ra.

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, tham mưu đề xuất xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong điều kiện của tỉnh để giảm áp lực vốn ngân sách xây dựng công trình giao thông bằng cách bố trí vốn ngân sách thực hiện công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất hai bên đường tại vị trí phù hợp phát triển đô thị, khu sản xuất tập trung và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định.

- Các cấp ủy, chính quyền nhất là người đứng đầu cần tích cực, chủ động hơn nữa mời gọi các nhà đầu tư quan tâm thực hiện các công trình xã hội hóa.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức phổ biến, quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó phải xác định lộ trình cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện đạt kết quả cao.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó, phải xác định lộ trình cụ thể và việc ban hành các chính sách để triển khai thực hiện đạt kết quả cao. Lãnh đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết phù hợp với phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền và tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban đảng Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (HN, TPHCM),
- Các Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các ban đảng, BCS đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ và đoàn thể tỉnh,
- Cấp ủy huyện (tương đương),
- Phó CVP Tỉnh ủy (TH),
- Phòng Tổng hợp, TC-HC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Võ Văn Bình